

Số: 21/2018/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Cao Bằng (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 3861/TTr-UBND, ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Cao Bằng (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Cao Bằng (lần 2) như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương cụ thể như sau:

Biểu số 1: Bổ sung 10.716,253 triệu đồng từ vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg để trả nợ xây dựng cơ bản cho 03 dự án.

Biểu số 2: Điều chỉnh mức vốn đã bố trí của một số dự án từ nguồn vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, cụ thể: 01 dự án theo hình thức đối tác công tư (đường bộ cao tốc Đồng Đăng, Lạng Sơn - Trà Lĩnh, Cao

Bằng); 52 dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, 01 dự án thuộc lĩnh vực Quản lý nhà nước, 02 dự án thuộc lĩnh vực Giao thông, 02 dự án thuộc lĩnh vực Y tế, 03 dự án thuộc lĩnh vực Quốc phòng - An ninh, 03 dự án thuộc lĩnh vực khác, 04 dự án thuộc lĩnh vực vốn vay lại các dự án sử dụng vốn ODA, 31 dự án thuộc lĩnh vực đối ứng các dự án ODA, 04 dự án thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung, giảm tiến độ 10 dự án trụ sở xã theo đề án sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị hành chính tỉnh Cao Bằng, cắt giảm 6 dự án trụ sở xã do các huyện đã bố trí vốn thực hiện; bổ sung dự án: Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng). Điều chỉnh mức vốn đã bố trí của 14 dự án từ nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết để hỗ trợ các xã về đích nông thôn mới.

Biểu số 3: Bổ sung 16.974,939 triệu đồng từ vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg cho 01 dự án thuộc lĩnh vực Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung và 06 dự án thuộc lĩnh vực đối ứng ODA.

Biểu số 4: Bổ sung danh mục và điều chỉnh mức vốn đã bố trí của các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg để thực hiện các dự án phát sinh cần thiết mới, cụ thể: 01 dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin; 01 dự án thuộc lĩnh vực cấp nước; 04 dự án thuộc lĩnh vực giao thông; 12 dự án thuộc lĩnh vực đối ứng ODA; dự án đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng); Bổ sung danh mục và điều chỉnh nội bộ nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất để thực hiện 27 dự án để hỗ trợ các xã về đích nông thôn mới; bổ sung các dự án trọng điểm của tỉnh.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương (Vốn trong nước):

Biểu số 2: Điều chỉnh mức vốn đã bố trí của 02 dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư theo Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; 13 dự án theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.

Biểu số 4: Bổ sung dự án xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường bãi rác khu vực Bảo Lâm, Nguyên Bình, Trùng Khánh theo văn bản số 5550/BTNMT-KHTC, ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v phương án phân bổ nguồn năm 2018, 2019 và 2020 của Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích.

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương (Vốn ODA):

Biểu số 2: Điều chỉnh mức vốn đã bố trí của 02 dự án; Điều chỉnh mức vốn và bổ sung 3.272 triệu đồng cho 01 dự án theo Quyết định số 1973/QĐ-BKHĐT, ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; bổ sung 281.032 triệu đồng theo Quyết định số 1480/QĐ-BKHĐT, ngày 05/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vốn chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh) cho 01 dự án.

4. Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn tăng thu ngân sách địa phương.

Biểu số 4: Bổ sung 32 dự án cần thiết phát sinh mới.

5. Các dự án chưa có vốn bố trí

Biểu số 5: Bao gồm 32 dự án.

6. Nguồn vốn dự phòng (10%) cân đối ngân sách địa phương.

Biểu số 6: Tổng số 392.155 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg: 347.155 triệu đồng.

- Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 5.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn sử dụng đất: 40.000 triệu đồng.

7. Tổng hợp các nguồn vốn bố trí cho dự án: Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) ở Biểu số 7.

(Các nguồn vốn điều chỉnh, bổ sung như trong các biểu số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 kèm theo).

8. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 85/2016/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017 tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; kế hoạch đầu tư công năm 2018 tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng:

1. Căn cứ Nghị quyết này xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm.
2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ mức vốn được giao, phần vốn do cấp huyện được bố trí để xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.
3. Chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư triển khai thực hiện thủ tục đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
4. Trong từng năm kế hoạch, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành điều chỉnh, bổ sung vốn cho các dự án trong phạm vi kế hoạch vốn đã được giao, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh trong kỳ họp gần nhất.
5. Thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh nội bộ (chỉ điều chỉnh vốn giữa các dự án được giao trong Nghị quyết) chỉ tiêu vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho từng dự án trong trường hợp phát sinh tăng hoặc giảm so với số vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng giao tại Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 và Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng tại kỳ họp gần nhất.
6. Thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục, chỉ tiêu vốn đối với từng dự án cụ thể sử dụng nguồn vốn ngân sách

trung ương hỗ trợ (sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền), báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng tại kỳ họp gần nhất.

7. Trong giai đoạn 2019 - 2020, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 tỉnh Cao Bằng theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đoàn đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng

BIỂU SỐ 1

CÁC DỰ ÁN NỘ ĐỘNG XÂY DỰNG CƠ BẢN

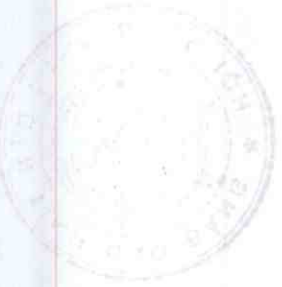
(Kèm theo Nghị quyết số

21

/NQ-HDND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của HDND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HDND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh, bổ sung
			Tăng	Giảm		
	TỔNG CỘNG (A+B)	2.000,000	10.716,253	-	12.716,253	
A	Dự án đã có tên trong kế hoạch trung hạn kèm theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HDND	2.000,000	9.682,164	-	11.682,164	
	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	2.000,000	9.682,164	-	11.682,164	
I	Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	2.000,000	9.682,164	-	11.682,164	
I.1	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	-	3.183,884	-	3.183,884	
I	Trường dạy nghề tỉnh Cao Bằng		3.183,884		3.183,884	Đề thanh toán khối lượng hoàn thành theo tờ trình số 221/TT-TTCN ngày 26/11/2018 của trường Trung cấp Nghề tỉnh Cao Bằng
I.2	Giao thông	2.000,000	6.498,280	-	8.498,280	
I	Đường tỉnh 209 đoạn Km 36 - Km 50 huyện Thạch An	2.000,000	6.498,280		8.498,280	Nợ đọng XD CB của dự án chốt tại thời điểm 31/12/2014 là 4.518 trđ. KH 2017 đã bố trí trả 2.000 trđ.
B	Dự án chưa có tên trong kế hoạch trung hạn kèm theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HDND	-	1.034,089	-	1.034,089	
	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	-	1.034,089	-	1.034,089	
I	Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	-	1.034,089	-	1.034,089	
I.1	Giao thông	-	1.034,089	-	1.034,089	
I	Đường tỉnh lộ 209 (đoạn thị trấn Đông Khê - xã Trùng Con) huyện Thạch An lý trình: Km 00+00 -Km00+292,24; Km 2+194,35 -Km5+729,9	-	1.034,089		1.034,089	Thanh toán nợ khối lượng XD CB. Quyết định phê duyệt TMDT tại QĐ số 234/QĐ-UBND, 5/2/2008 là 16.492 triệu đồng, đã thanh toán 15.458 triệu đồng



BIỂU SỐ 2

CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH MỨC VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **12** tháng **12** năm 2018 của HĐND tỉnh Cao Bằng) **14**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
A	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	574,647,743	38,331,863	210,819,924	402,159,682	
A.1	Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	574,647,743	38,331,863	210,819,924	402,159,682	
	Tình bố trí	574,647,743	38,331,863	210,819,924	402,159,682	
A1.1	Hỗ trợ các dự án đầu tư theo hình thức PPP	15,000,000			15,000,000	Phân bổ chi tiết số vốn trung hạn cho các dự án.
	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Làng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	15,000,000			15,000,000	Giao UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh phân bổ chi tiết cho các tiểu dự án cụ thể
A1.2	Bố trí thực hiện dự án	559,647,743	38,331,863	210,819,924	387,159,682	
A1.2.1	Giao dự án đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	179,285,003	7,068,251	20,731,080	165,622,174	Giảm 13,662,829 triệu đồng để tăng cho đối ứng các dự án ODA giáo dục
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017	25,988,000	502,010	8,496	26,481,514	
1	Nhà hội đồng trường THPT Bảo Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	6,440,000		8,496	6,431,504	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
2	Nhà hội đồng trường THPT Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	6,735,000	59,384		6,814,384	Điều chỉnh tăng theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
3	Nhà hội đồng trường THPT Thông Huệ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	4,694,000	94,271		4,788,271	Điều chỉnh tăng theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
4	Trường Mầm non Nam Quang, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	4,499,000	110,735		4,609,735	Điều chỉnh tăng theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
5	Trường THCS Hoàng Tung, xã Hoàng Tung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	3,600,000	237,620		3,837,620	Điều chỉnh tăng theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017	22,240,000	-	924,533	21,315,467	
1	Nhà hội trường và phòng học trường Chính trị Hoàng Đình Giọng, tỉnh Cao Bằng	12,240,000		354,214	11,885,786	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Cao Bình, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	10,000,000		570,319	9,429,681	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
(3)	Dự án khởi công mới năm 2017	37.489,000	496,634	2.276,656	35.708,978	
1	Hỗ trợ xây dựng phòng học mầm non thực hiện Đề án phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	4.500,000	-	320,029	4.179,971	
1.1	Huyện Bảo Lâm	2.400,000		110,735	2.289,265	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
1.2	Huyện Hà Quảng	900,000		28,114	871,886	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
1.3	Huyện Hòa An	1.200,000		181,180	1.018,820	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Lý Bôn, huyện Bảo Lâm	3.600,000		195,840	3.404,160	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
3	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Đồng Đa, huyện Quảng Uyên	3.539,000		81,260	3.457,740	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
4	Trường tiểu học Nam Tuấn, xã Nam Tuấn, huyện Hòa An	2.700,000		406,212	2.293,788	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
5	Trường THCS Đào Ngạn, xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng	4.453,000		222,833	4.230,167	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
6	Trường THCS Văn Dính, xã Văn Dính, huyện Hà Quảng	3.157,000		206,197	2.950,803	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
7	Trường mầm non Hồng Quán, Thị trấn Thông Nông	4.451,000	408,214		4.859,214	Điều chỉnh tăng theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
8	Trường mầm non Dẻ Rào, xã Đa Thông, huyện Thông Nông	2.700,000	88,420		2.788,420	Điều chỉnh tăng theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
9	Trường Mầm non xã Văn Dính, huyện Hà Quảng	4.476,000		778,155	3.697,845	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
10	Trường tiểu học Cao Chương, xã Cao Chương, huyện Trà Lĩnh	3.913,000		66,130	3.846,870	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
(4)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2018-2020	93.568,003	6.069,607	17.521,395	82.116,215	
	Khởi công năm 2018	74.038,000	6.069,607	1.191,392	78.916,215	
1	Trường tiểu học Vĩnh Quang, xã Vĩnh Quang, thành phố Cao Bằng	4.200,000		63,141	4.136,859	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
2	Cải tạo, nâng cấp Trường PTCS Yên Thổ, xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm	7.500,000		93,764	7.406,236	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình

149

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
3	Trường Mầm non Bé Triều, xã Bé Triều, huyện Hoà An	4.000,000	300,000		4.300,000	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
4	Trường tiểu học Bé Triều, xã Bé Triều, huyện Hoà An	5.800,000	1.600,000		7.400,000	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
5	Trường THCS Hồng Việt, xã Hồng Việt, huyện Hoà An	4.000,000		0,576	3.999,424	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
6	Trường TH Hồng Việt, xã Hồng Việt, huyện Hoà An	2.985,000		47,608	2.937,392	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
7	Trường THCS Thị Hoa, xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang	4.500,000	500,000		5.000,000	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
8	Trường MN Phù Ngọc, xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng. HM: Nhà hội đồng và các hạng mục ngoài nhà và hạ tầng kỹ thuật	2.000,000		8,327	1.991,673	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
9	Trường THCS Phù Ngọc, xã Phù Ngọc, huyện Hà Quảng. HM: Xây mới nhà hội đồng; cải tạo nhà cũ và các hạng mục phụ trợ.	2.950,000		14,892	2.935,108	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
10	Trường tiểu học Sóc Giang, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	2.534,000	348,607		2.882,607	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
11	Trường PTCS Minh Thanh, xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình	5.000,000	500,000		5.500,000	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
12	Trường Mẫu giáo Minh Thanh, xã Minh Thanh, huyện Nguyên Bình	3.600,000		5,360	3.594,640	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
13	Trường Tiểu học Tân Việt, xã Lê Lai, huyện Thạch An	3.500,000		176,007	3.323,993	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
20	Trường Mầm non Quang Hán, xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh	2.480,000	320,000		2.800,000	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
14	Trường THCS Lương Can, xã Lương Can, huyện Thông Nông	2.990,000		19,335	2.970,665	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
15	Trường THCS Đại Sơn, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng	4.000,000		762,382	3.237,618	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu được duyệt của dự án
16	Cải tạo, sửa chữa trường trung cấp nghề tỉnh Cao Bằng	11.999,000	2.501,000		14.500,000	Đề xuất tăng mức vốn trung hạn bằng TMDT đã được duyệt để hoàn thành dự án.
	Khởi công năm 2019	5.000,000	-	5.000,000	-	
1	Trường tiểu học Lương Thông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	5.000,000		5.000,000	-	Trường không đủ diện tích để xây dựng nên không đầu tư dự án này trong giai đoạn 2016-2020

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
	Khởi công năm 2020	14.530,003	-	11.330,003	3.200,000	
1	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông DTNT Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2.530,003		2.330,003	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
2	Trường tiểu học Quảng Lâm, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
3	Trường THCS Thái Đức, xã Thái Đức, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
4	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
5	Trường tiểu học Lang Môn, xã Lang Môn, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
6	Trường THCS Phục Hòa, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
7	Trường THCS Bình Lãng, xã Bình Lãng, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
8	Cải tạo nâng cấp Trường PTDTNT Thạch An, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
9	Trường THCS Pò Tấu, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
10	Trường mầm non Thượng Thôn, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
11	Trường THCS Thị trấn Thống Nông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
12	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Công Trùng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
13	Trường THCS Thắng Lợi, xã Thắng Lợi, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
14	Trường THCS Hạnh Phúc, xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
15	Cải tạo nâng cấp trường THPT Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
16	Trường MN Ngọc Động, xã Ngọc Động, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	800,000		600,000	200,000	Giảm mức vốn trung hạn để cân đối bổ trí tăng vốn NSDP đối ứng cho các dự án ODA về giáo dục
A1.2.2	Quản lý nhà nước	26.978,000	-	4.478,000	22.500,000	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HDND -UBND tỉnh Cao Bằng-giai đoạn II	26.978,000		4.478,000	22.500,000	Hết KH 2018, dự án đã được bổ trí đủ vốn. Đề xuất điều chỉnh giảm KH trung hạn vốn NSDP 2016-2020 (NQ 37) = 4.478 tr.đ
A1.2.3	Giao thông	60.093,920	7.773,000	2.059,080	65.807,840	
1	Đường tỉnh 216 (2 cầu, đường 2 đầu cầu và lý trình km0 đến km4+500). Hạng mục nền mặt đường và hệ thống thoát nước lý trình km0+400 - km4+307,3	50.000,000	7.773,000		57.773,000	Đề xuất điều chỉnh tăng theo TDT đã được duyệt để không nơ năm 2019, đã trừ 10% tiết kiệm theo quy định
2	Đường giao thông khu đô thị mới Đề Thám, Thành phố Cao Bằng (đường đầu nối vào QL3) gồm 7 tuyến: A,B,C,D,E,F					
	<i>Trong đó tuyến E</i>	10.093,920		2.059,080	8.034,840	Hết KH 2018, tuyến E của dự án đã được bổ trí đủ vốn (TD: Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg = 10.093,92 vốn SD đất = 4.000tr.đ). Đề xuất điều chỉnh giảm KH trung hạn Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg = 2.059,08 tr.đ
A1.2.4	Y tế	1.731,000	-	41,052	1.689,948	
1	Trung tâm nội tiết tỉnh Cao Bằng	1.731,000		41,052	1.689,948	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thanh toán thực tế
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2018-2020	8.000,000	-	41,986	7.958,014	
1	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng (Khoa Lao)	8.000,000		41,986	7.958,014	Điều chỉnh giảm theo tổng mức đầu tư được duyệt của dự án
A1.2.5	Quốc phòng - An ninh	20.400,000	-	5.756,703	14.643,297	
1	Trụ sở làm việc Công an phường Ngọc Xuân	9.400,000		680,542	8.719,458	TMĐT được duyệt = 8.719,458 tr.đ. Đề xuất điều chỉnh giảm KH trung hạn vốn NSDP 2016-2020 (NQ 37) = 680,542 tr.đ
2	Đền bù, giải phóng mặt bằng Trường Quân sự	10.000,000		5.000,000	5.000,000	Đề xuất điều chỉnh giảm KH trung hạn vốn NSDP 2016-2020 (NQ 37) = 5.000 tr.đ, vì KH 2017 đã bổ trí nguồn tăng thu NSDP = 5.000 tr.đ

148

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
3	Khu căn cứ chiến đấu phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Hà Quảng	1.000,000		76,161	923,839	TMDT được duyệt = 923,839 trđ. Đề xuất điều chỉnh giám KH trung hạn vốn NSDP 2016-2020 (NQ 37) = 76,161 tr đ
A1.2.6	Lĩnh vực khác	15.000,000	-	10.000,874	4.999,126	
1	Xây dựng phòng khám - quản lý sức khỏe thuộc Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ	10.000,000		10.000,000	-	Không đầu tư dự án này do sát nhập các cơ quan khối Đảng ... theo thống báo số 342/TB-TU ngày 03/10/2018 của Tỉnh ủy Cao Bằng.
2	Dự án: Đầu tư bổ sung nâng cấp hệ thống trang thiết bị trường quay truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình Cao Bằng	5.000,000		0,874	4.999,126	Điều chỉnh giám theo tổng mức đầu tư được duyệt của dự án
A1.2.7	Vốn vay lại các dự án sử dụng vốn ODA	15.750,000	-	15.750,000	-	
1.1	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), Hợp phần 1: Khởi phục, cải tạo đường địa phương	1.000,000		1.000,000	-	
1.2	Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả"	1.000,000		1.000,000	-	Năm 2017, nợ công của tỉnh Cao Bằng đã vượt trần trong khi phải tiếp tục vay lại ODA từ Chính phủ để đầu tư. Để đảm bảo đầu điều kiện rút vốn ODA và không làm tăng nợ công phải bố trí một phần vốn NSDP để trả nợ công của tỉnh. Tuy nhiên trong năm 2017 Bộ Tài chính vẫn cho rút vốn ODA và không yêu cầu đồng thời phải trả nợ công nên không cần bố trí vốn.
1.3	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng (Giai đoạn 1)	12.655,000		12.655,000	-	
1.4	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng Giai đoạn 2 (2017-2020)	1.095,000		1.095,000	-	
A1.2.8	Đối ứng các dự án ODA	80.104,213	22.690,612	19.738,442	83.056,383	
1	Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2					
1.1	Trường THCS Cao Thắng, huyện Trùng Khánh thuộc dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	617,000		0,453	616,547	Giảm do Công trình hoàn thành, hết khối lượng thanh toán
1.2	Trường PTCS Nam Cao, huyện Bảo Lâm thuộc dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	1.783,000		340,695	1.442,305	Giảm do Công trình hoàn thành, hết khối lượng thanh toán
1.3	Trường THCS Tiên Thành, huyện Phục Hòa thuộc dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	149,773	16,676		166,449	Tăng do bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
1.4	Trường phổ thông dân tộc bán trú Cô Ba, huyện Bảo Lạc thuộc dự án giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	544,150	4,244		548,394	Tăng do bổ trợ thanh toán khối lượng hoàn thành
1.5	Trường THCS Lương Thông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	4.124,000	570,000		4.694,000	Tăng do điều chỉnh dự án, quy mô tăng thêm 2 phòng học, do Bộ bổ sung vốn ODA nên tính phải bổ trợ vốn đối ứng
2	Cải thiện điều kiện giáo dục tại tỉnh Cao Bằng bằng khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Trung Quốc					
2.1	Trường PTDTBT THCS Huy Giáp	12.500,000		10.500,000	2.000,000	Dừng triển khai dự án để chờ ý kiến của nhà tài trợ (chỉ đề 2 tỷ để bổ trợ các chi phí khác khi dự án được giao vốn ODA theo dự thảo Biên bản khảo sát hiện trường)
2.2	Trường Mầm non Cầm Nông	1.200,000		1.200,000	-	Không tiếp tục đầu tư dự án do địa điểm xây dựng không đảm bảo an toàn
2.3	Trường PTDTNT Bảo Lạc	-	1.000,000		1.000,000	Theo dự thảo Biên bản khảo sát hiện trường, phía nhà tài trợ Trung Quốc chỉ đồng ý bổ trợ vốn ODA cho chi phí xây lắp, các chi phí khác phải dùng vốn đối ứng
3	Hà tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - tiểu dự án tỉnh Cao Bằng	36.000,000	7.618,622		43.618,622	Tăng vốn đối ứng để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng cho 02 tiểu dự án đại diện
4	Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm Cao Bằng (LIFSAP mở rộng)	2.860,000	281,070		3.141,070	Do dự án được bổ sung vốn ODA để nâng cấp, sửa chữa bổ sung các chợ thực phẩm (Cao Bình, Thông Huệ, Sịa chưa chợ Trùng Khánh, Bản Giỏi, Quảng Uyên) do đó vốn đối ứng cho các hạng mục xây lắp tăng lên.
5	Chương trình "Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả"	1.000,000		1.000,000	-	Vốn đối ứng do nhân dân đóng góp
6	Xây dựng Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	1.321,990		436,468	885,522	
7	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng	1.301,300		575,410	725,890	
8	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	508,000		114,874	393,126	Công trình hoàn thành, hết khối lượng thanh toán
9	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	554,000		159,737	394,263	

ng

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
10	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế Bệnh viện đa khoa huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	555,000		160,224	394,776	
11	Các trạm y tế do EU tài trợ				-	
11.1	Trạm y tế xã Yên Sơn, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	1.412,000		81,087	1.330,913	
11.2	Trạm y tế xã Sơn Lập, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2.291,000		1.433,592	857,408	
11.3	Trạm y tế xã Vũ Nông, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	2.458,971		1.369,896	1.089,075	Do khi xây dựng KH 2016-2020, bổ tri vốn theo QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư, khi phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật cắt giảm một số chi phí nên tổng mức đầu tư giảm dẫn đến vốn đối ứng giảm
11.4	Trạm y tế xã Đại Sơn, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng	1.277,249		525,642	751,607	
11.5	Trạm y tế xã Bình Dương, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	2.046,780		840,364	1.206,416	
11.6	Trạm Y tế xã Sơn Lồ, huyện Bảo Lạc	700,000	1.500,000		2.200,000	
11.7	Trạm Y tế xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm	700,000	3.200,000		3.900,000	
11.8	Trạm Y tế xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm	700,000	1.000,000		1.700,000	
11.9	Trạm Y tế xã Canh Tân, huyện Thạch An	500,000	1.500,000		2.000,000	Do nhà tài trợ chỉ hỗ trợ 3,5 tỷ/1 trạm, để đầu tư trạm chuẩn theo quy định phải tăng vốn đối ứng để thực hiện. Mặt khác 1 số trạm cần đổi ứng để san gạt, giải phóng mặt bằng
11.10	Trạm Y tế xã Đại Tiến, huyện Hòa An	500,000	1.500,000		2.000,000	
11.11	Trạm Y tế xã Hồng Đại, huyện Phục Hòa	500,000	1.500,000		2.000,000	
11.12	Trạm Y tế xã Lăng Yên, huyện Trùng Khánh	500,000	1.500,000		2.000,000	
11.13	Trạm Y tế xã Nà Sác, huyện Hà Quảng	500,000	1.500,000		2.000,000	
11.14	Trạm Y tế xã Quang Long, huyện Hạ Lang	500,000		500,000	-	Điều chỉnh danh mục đầu tư do huyện để xuất chuyển sang đầu tư trạm y tế xã Kim Loan
11.15	Trạm Y tế xã Thịnh Vượng, huyện Nguyên Bình	500,000		500,000	-	Điều chỉnh danh mục đầu tư huyện đã đầu tư bằng nguồn khác để đạt trạm chuẩn, chuyển sang đầu tư trạm y tế xã Mai Long
A1.2.9	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung	30.105,607	800,000	2.064,693	28.840,914	
1	Đường thị trấn Tà Lùng (mốc 946-951), xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng	13.000,000		235,000	12.765,000	Hết KH năm 2018, dự án đã được bổ tri đủ vốn. Để xuất điều chỉnh giảm KH trung hạn vốn NSDP 2016-2020 (NQ 37) = 235 tr đ

124

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
2	Dự án rà phá bom mìn vật nổ phát triển kinh tế tuyến biên giới Việt - Trung khu vực Lũng Rỳ, Khuổi Sỏi xã Cầu Nông huyện Thông Nông Cao Bằng	7.200,000	800,000		8.000,000	Dự án không thuộc đối tượng phải tiết kiệm theo NQ89, Đề xuất điều chỉnh tăng thêm KH trung hạn vốn NSDP 2016-2020 (NQ 37) = 800 tr.đ
3	Cải tạo, nâng cấp mặt đường nội vùng và đoạn từ làng Bó Bầm đến bờ suối ngã ba lán Khuổi Nặm Khu di tích lịch sử Pắc Bó	8.263,000		587,086	7.675,914	Điều chỉnh giảm theo khối lượng hoàn thành thực tế của công trình
4	Đầu nối đường giao thông ra mốc 835, xã Đàm Thủy, huyện Trung Khánh, tỉnh Cao Bằng	1.642,607		1.242,607	400,000	Không tiếp tục đầu tư do trùng với các dự án trong khu du lịch thác Bản Giốc
A1.2.10	Vốn bố trí cho chương trình MTQG xây dựng NTM	130.200,000	-	130.200,000	-	Điều chỉnh tăng, giảm mức vốn của các dự án; Phân bổ chi tiết số vốn 61.500 tr.đ của mục Các công trình khác (giai đoạn 2018-2020) cho các dự án.
1	Trụ sở làm việc UBND xã Bình Lăng	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiến toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
2	Trụ sở làm việc UBND xã Đại Tiến	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiến toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
3	Trụ sở làm việc UBND xã Hà Trì	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiến toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
4	Trụ sở làm việc UBND xã Công Trung	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiến toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
5	Trụ sở làm việc UBND xã Trương Lương	3.000,000		3.000,000	-	Các thủ tục đầu tư dự án đã được UBND huyện Hòa An thực hiện năm 2017 (Không trình tỉnh thẩm định) vì vậy NSDP tỉnh không bố trí cho dự án này
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND- UBND xã Thị Ngân	4.050,000		4.050,000	-	Các thủ tục đầu tư dự án đã được UBND huyện Thạch An thực hiện năm 2017 (Không trình tỉnh thẩm định) vì vậy NSDP tỉnh không bố trí cho dự án này
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND- UBND xã Đức Thông	4.230,000		4.230,000	-	Các thủ tục đầu tư dự án đã được UBND huyện Thạch An thực hiện năm 2017 (Không trình tỉnh thẩm định) vì vậy NSDP tỉnh không bố trí cho dự án này
8	Trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND- UBND xã Minh Khai	4.050,000		4.050,000	-	Các thủ tục đầu tư dự án đã được UBND huyện Thạch An thực hiện năm 2017 (Không trình tỉnh thẩm định) vì vậy NSDP tỉnh không bố trí cho dự án này
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy- HĐND- UBND xã Lê Lợi	4.050,000		4.050,000	-	Các thủ tục đầu tư dự án đã được UBND huyện Thạch An thực hiện năm 2017 (Không trình tỉnh thẩm định) vì vậy NSDP tỉnh không bố trí cho dự án này

12

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
10	Xây dựng trụ sở làm việc Đảng Ủy- HĐND- UBND xã Danh Sỹ	4.320,000		4.320,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
11	Trụ sở làm việc xã Đoài Cồn	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
12	Trụ sở làm việc xã Ngọc Chung	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
13	Trụ sở làm việc xã Thân Giáp	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
14	Trụ sở làm việc xã Thành Công	4.500,000		4.500,000	-	Các thủ tục đầu tư dự án đã được UBND huyện Nguyên Bình thực hiện năm 2017 (Không trình tỉnh thẩm định) vì vậy NSDP tỉnh không bố trí cho dự án này
15	Trụ sở làm việc xã Bắc Hợp	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
16	Trụ sở làm việc xã Thái Học	4.500,000		4.500,000	-	Không đầu tư dự án này do sáp nhập các xã theo Đề án kiện toàn tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
17	Các công trình khác (giai đoạn 2018-2020)	61.500,000		61.500,000	-	Phân bổ chi tiết số vốn 61.500 trả cho các dự án.
A.2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	14.250,000	13.750,000	13.750,000	14.250,000	
1	Trạm Y tế xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng	1.000,000		500,000	500,000	Điều chỉnh giảm vì công trình đã đủ vốn do đã bố trí kết hợp các nguồn vốn khác
2	Chuẩn bị đầu tư	13.250,000		13.250,000	-	Điều chỉnh giảm vì công trình đã đủ vốn do đã bố trí kết hợp các nguồn vốn khác
3	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất văn hoá cho các xã về đích năm 2019		11.000,000		11.000,000	
	Trong đó:					
3.1	Nhà văn hoá xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng		2.000,000		2.000,000	
3.2	Nhà văn hoá - sân thể thao xã Hoàng Tung, huyện Hoà An		2.400,000		2.400,000	
3.3	Sân vận động xã Lê Lai, huyện Thạch An		2.200,000		2.200,000	

10

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
3.4	Nhà văn hoá xã Đại Sơn, huyện Phúc Hoà		2.000,000		2.000,000	
3.5	Nhà văn hoá xã Vĩnh Quang, TP.CB		2.400,000		2.400,000	
4	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất văn hoá cho các xã về dịch năm 2020		2.750,000		2.750,000	
	Trong đó:					
4.1	Nhà văn hoá và sân vận động xã Ngọc Côn, huyện Trùng Khánh		300,000		300,000	
4.2	Nhà văn hoá và sân vận động xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang		300,000		300,000	
4.3	Nhà văn hoá và sân vận động xã Lương Can, huyện Thông Nông		300,000		300,000	
4.4	Nhà văn hoá và sân vận động xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc		300,000		300,000	
4.5	Nhà văn hoá và sân vận động xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm		350,000		350,000	
4.6	Nhà văn hoá xã Đức Long, huyện Hoà An		300,000		300,000	
4.7	Nhà văn hoá xã Triều Ái, huyện Phục Hoà		300,000		300,000	
4.8	Nhà văn hoá và sân vận động xã Quảng Hưng, huyện Quảng Uyên		300,000		300,000	
4.9	Nhà văn hoá và sân vận động xã Độc Lập, huyện Quảng Uyên		300,000		300,000	
B	Ngân sách trung ương (vốn trong nước)	121.545,000	35.881,592	35.881,592	121.545,000	
B1	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	90.000,000	30.000,000	30.000,000	90.000,000	
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật KCN Đẻ Thảm	30.000,000		30.000,000	-	Điều chỉnh KH trung hạn vốn NSTW (Vốn trong nước) GDP 2016-2020 theo tờ trình số 3382/TT-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh.
2	Dự án đường vào và hệ thống xử lý nước thải KCN Chu Trinh	60.000,000	30.000,000		90.000,000	
B2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	31.545,000	5.881,592	5.881,592	31.545,000	
*	Các dự án Bảo vệ và PTR	31.545,000	5.881,5920	5.881,5920	31.545,000	Điều chỉnh mức vốn KH trung hạn đã bố trí của các địa phương để phù hợp với nhu cầu thực tế.
1	Dự án B.V & PT Khu rừng ĐD Phía Bắc-Phía Đón	1.575,000	1.295,472		2.870,472	

TT	Tên dự án	Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
2	DA Bảo vệ và PTR Thành phố Cao Bằng	200,000		87,000	113,000	
3	DA Bảo vệ và PTR huyện Hoà An	1.850,000		812,665	1.037,335	
4	DA Bảo vệ và PTR huyện Thạch An	5.175,000	829,000		6.004,000	
5	DA Bảo vệ và PTR huyện Nguyên Bình	4.940,000		2.558,391	2.381,609	
6	DA Bảo vệ và PTR huyện Bảo Lạc	4.729,000		139,830	4.589,170	
7	DA Bảo vệ và PTR huyện Trùng Khánh	3.405,000	142,020		3.547,020	
8	DA Bảo vệ và PTR huyện Phục Hoà	1.435,000		731,280	703,720	
9	DA Bảo vệ và PTR huyện Trà Lĩnh	930,000		518,042	411,958	
10	DA Bảo vệ và PTR huyện Hà Quảng	2.878,000		580,048	2.297,952	
11	DA Bảo vệ và PTR huyện Thông Nông	789,000	3.615,100		4.404,100	
12	DA Bảo vệ và PTR huyện Hạ Lang	1.206,000		446,558	759,442	
13	DA Bảo vệ và PTR huyện Bảo Lâm	2.433,000		7,778	2.425,222	
C	Ngân sách trung ương vốn nước ngoài (ODA)	204.988,000	298.173,900	13.869,900	489.292,000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 202 (Ca Thành - Lũng Pán - Bản Riễn)	55.700,000	8.869,900		64.569,900	- Được giao bổ sung vốn trung hạn: 3.272 triệu đồng theo Quyết định số 1973/QĐ-BKHDĐT, ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Điều chuyển nội bộ từ dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng (Giai đoạn 2): 5.597,9 triệu đồng
2	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng (Giai đoạn 2)	149.288,000		13.869,900	135.418,100	Điều chuyển nội bộ sang dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 202 (Ca Thành - Lũng Pán - Bản Riễn) và dự án Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng
3	Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng		8.272,000		8.272,000	Điều chuyển nội bộ từ dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Cao Bằng (Giai đoạn 2)
4	Kè bờ trái Sông Hiến, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		281.032,000		281.032,000	Được bổ sung theo Quyết định số 1480/QĐ-BKHDĐT, ngày 05/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
D	Vốn tăng thu ngân sách địa phương	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	
1	Cầu Bình Long	5.000,000		5.000,000	-	
2	Đường tỉnh 216 (02 cầu: Bình Long, Đồng Mây; đường 2 đầu cầu), tỉnh Cao Bằng		5.000,000		5.000,000	Thay đổi tên đúng với quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng

14

BIỂU SỐ 3

CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH DO THAY ĐỔI NGUỒN VỐN

(Kèm theo Nghị quyết số

21

/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Đã giao theo Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do phải điều chỉnh
			Tăng	Giảm		
A	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	12.033,000	16.974,939	-	29.007,939	
I	Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	12.033,000	16.974,939	-	29.007,939	
I.1	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung	-	1.984,302	-	1.984,302	
I	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đi bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại khu di tích lịch sử Pắc Bó-Đoan từ làng Hòa Mục đến chân dốc Kéo Giã		1.984,302		1.984,302	Điều chỉnh tăng do bổ trí đối ứng phần ngân sách địa phương theo cơ cấu nguồn vốn của dự án
I.2	Đổi ứng ODA	12.033,000	14.990,637	-	27.023,637	
I	Cải thiện điều kiện giáo dục tại tỉnh Cao Bằng bằng khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Trung Quốc	12.033,000	14.990,637	-	27.023,637	
I.1	Trường Mầm non Cốc Pàng	1.200,000	1.000,000		2.200,000	Hiện nay phía nhà tài trợ Trung Quốc chưa ký biên bản khảo sát, nên chưa có vốn viện trợ không hoàn lại cho dự án. Do yêu cầu cấp thiết về học tập và giảng dạy của nhà trường, cần đầu tư sớm trường mầm non, vì vậy bổ trí 100% vốn NSDP để đầu tư thực hiện dự án
I.2	Trường Mầm non Liên Oa	1.826,000	3.000,000		4.826,000	
I.3	Trường Mầm non Trường Lương	1.466,000	3.199,841		4.665,841	
I.4	Trường PTDTBT THCS Quảng Lâm	1.985,000	1.790,000		3.775,000	Nhà tài trợ không nhất trí cho thực hiện bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, phải bố trí 100% vốn NSDP để thực hiện
I.5	Trường Mầm non Đức Long (Phân trường Bàn Pò)	3.680,000	3.000,000		6.680,000	
I.6	Trường PTDTNT Hạ Lang	1.876,000	3.000,796		4.876,796	

BIỂU SỐ 4

CÁC DỰ ÁN PHÁT SINH MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 2-1 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Cao Bằng) *nh*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ-HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
A	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP	128.000,000	240.796,869	96.000,000	272.796,869	
I	Vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	-	144.796,869	-	144.796,869	
I.1	Thông tin truyền thông		750,000		750,000	
I	Dự án ứng dụng chữ ký số trong các hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng		750,000		750,000	Theo đề xuất của Sở Thông tin truyền thông
I.2	Cấp nước		1.976,000		1.976,000	
I	Khắc phục hậu quả bão lũ Cấp nước sinh hoạt xóm Cốc Rầy, Nặm Dọi xã Thông Huệ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng		1.976,000		1.976,000	Theo đề nghị tại tờ trình số 177/TT-UBND ngày 18/12/2017 của UBND huyện Trùng Khánh
I.3	Lĩnh vực khác	-	4.066,000	-	4.066,000	
I	Sắp xếp lại các ki ốt bán hàng tại khu vực ngã ba lán Khuổi Nặm thuộc Khu di tích lịch sử Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		4.066,000		4.066,000	Bổ trí thêm 4066 triệu đồng từ vốn đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg cho số vốn còn thiếu do điều chỉnh tăng TMDT của dự án theo BC đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án lập ngày 05/11/2018 (Thực hiện Thông báo kết luận của CT UBND tỉnh Hoàng Xuân Ánh tại buổi kiểm tra thiệt hại do mưa lũ tại Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Pác Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tại văn bản số 750/TB-VP ngày 20/8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng).
I.4	Giao thông	-	79.677,801	-	79.677,801	
I	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (Cao Bằng)		79.677,801		79.677,801	Phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Giao UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh phân bổ cho các tiêu dự án cụ thể
I.5	Đổi ứng ODA		58.327,068		58.327,068	
I	Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2					
I.1	Trường PTDTBT Tiểu học & THCS Thạch Lân.		4.200,000		4.200,000	Bổ sung danh mục công trình mới thuộc dự án theo Văn

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
1.2	Trường PTDTBT THCS Khánh Xuân		980,000		980,000	bản rà soát danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2					Dự án mới bổ sung theo Công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.1	Trường THPT Bào Lạc		2.414,104		2.414,104	
2.2	Trường THPT Lục Khu		1.630,743		1.630,743	
2.3	Trường THPT Trà Linh		2.413,530		2.413,530	Dự án mới bổ sung theo Công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.4	Trường THPT Quảng Uyên		1.910,710		1.910,710	
2.5	Trường THPT Trưng Khánh		1.719,852		1.719,852	
2.6	Trường THPT Chuyên Cao Bằng		3.234,129		3.234,129	
3	Trạm y tế xã Kim Loan, huyện Hạ Lang		2.000,000		2.000,000	Điều chỉnh danh mục đầu tư các trạm y tế xã do ERU tài trợ: thay thế cho Trạm y tế xã Quang Long
4	Trạm y tế xã Mai Long, huyện Nguyên Bình		2.000,000		2.000,000	Điều chỉnh danh mục đầu tư các trạm y tế xã do ERU tài trợ: thay thế cho Trạm y tế xã Thịnh Vượng
5	Cấp điện nông thôn từ nguồn điện năng lượng tái tạo giai đoạn 2018-2020 tỉnh Cao Bằng sử dụng vốn ODA không hoàn lại do Liên minh châu Âu (EU) tài trợ		8.824,000		8.824,000	Dự án cần thiết phát sinh mới, bổ sung theo văn bản của Bộ Công thương. Đề xuất bổ sung vào KH trung hạn 2016-2020: cần bố trí vốn đối ứng từ NSDP để đối ứng phần vốn NSTW dự kiến sẽ được bổ sung cho dự án
6	Kè bờ trái Sông Hiến, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		27.000,000		27.000,000	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư theo Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh GD 2016-2020 tại văn bản số 730/TTg-NN ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn vốn NSDP bố trí đối ứng cho dự án.
II	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (Theo mức vốn được Bộ KHĐT giao)	128.000,000	96.000,000	96.000,000	128.000,000	
1	Hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	24.000,000		24.000,000	-	Theo NQ 37 giao chung là 24.000 trđ, nay phân bổ chi tiết cho các dự án.
2	Hỗ trợ xi măng và vật liệu xây dựng làm đường GTNT các xã về đích NTM năm 2018		9.000,000		9.000,000	Đã bố trí trong KH ĐTC năm 2018
3	Hỗ trợ xi măng và vật liệu xây dựng làm đường GTNT các xã về đích NTM năm 2019					
	Trong đó:					

14/1

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
3.1	Xã Vĩnh Quang TPCP		500,000		500,000	
3.2	Xã Sóc Hà huyện Hà Quảng		500,000		500,000	
3.3	Xã Đại Sơn huyện Phục Hoà		700,000		700,000	
3.4	Xã Hoàng Tung huyện Hoà An		700,000		700,000	
3.5	Xã Lê Lai huyện Thạch An		600,000		600,000	
4	Sân vận động xã Quang hán huyện Trà Lĩnh		2.000,000		2.000,000	
5	Nhà văn hoá xã Phú Ngọc huyện Hà Quảng		1.892,896		1.892,896	
6	Sân thể thao và khu vui chơi xã Đình Minh huyện Trùng Khánh		2.000,000		2.000,000	
7	Nhà văn hoá xã Minh Thanh huyện Nguyên Bình		2.000,000		2.000,000	
8	Hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (còn lại chưa phân bổ)		1.907,104		1.907,104	
9	Hỗ trợ xi măng và vật liệu xây dựng làm đường GTNT các xã về đích NTM năm 2020					
	Trong đó:					
9.1	Xã Ngọc Côn, huyện Trùng Khánh		250,000		250,000	
9.2	Xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang		250,000		250,000	
9.3	Xã Lương Can, huyện Thông Nông		250,000		250,000	
9.4	Xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc		250,000		250,000	
9.5	Xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm		240,000		240,000	
9.6	Xã Đức Long, huyện Hoà An		240,000		240,000	
9.7	Xã Triều Ái, huyện Phục Hoà		240,000		240,000	
9.8	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Uyên		240,000		240,000	
9.9	Xã Độc Lập, huyện Quảng Uyên		240,000		240,000	
10	Trả nợ bội chi NSDP	96.000,000		72.000,000	24.000,000	KH 2018 đã trả nợ bội chi NSDP 24.000 trđ. Theo xác nhận của Ngân hàng PT Cao Bằng ngày 11/7/2018: năm 2019 và 2020 UBND tỉnh Cao Bằng không phải trả nợ gốc đối với khoản vốn vay KCHKM, GTNT (Giải đoạn 2018-2020). Do vậy số vốn còn lại của mục này để bố trí bổ sung cho các dự án.

12/12

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
11	Xây dựng các phòng học thuộc Chương trình kiên cố hóa các trường lớp học mầm non, tiểu học tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2017-2020		7.500,000		7.500,000	
12	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)		5.000,000		5.000,000	Phục vụ phát triển kinh tế- xã hội tỉnh. Giao UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh phân bổ chỉ tiết cho các tiểu dự án cụ thể
13	Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới	8.000,000	25.000,000		33.000,000	Đây là dự án trọng điểm của tỉnh cần bổ sung vốn trung hạn 2016-2020 để thực hiện dự án.
14	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, TPCB. Lý trình Km0+00 - Km5+896,52		31.760,335		31.760,335	Đây là dự án trọng điểm của tỉnh cần bổ sung vốn trung hạn 2016-2020 để thực hiện dự án.
15	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Lý Vạn, huyện Hạ Lang		13,400		13,400	Đây là dự án được bổ trí nguồn phí cửa khẩu từ năm 2016 trở về trước. Đến năm 2017 không còn nguồn phí cửa khẩu để đầu tư, phải bổ trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
16	Cải tạo, nâng cấp đường vào lối mở Trúc Long, huyện Hà Quảng		1.425,000		1.425,000	Đây là dự án được bổ trí nguồn phí cửa khẩu từ năm 2016 trở về trước. Đến năm 2017 không còn nguồn phí cửa khẩu để đầu tư, phải bổ trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
17	Nâng cấp, cải tạo đồn biên phòng Ngọc Côn (109), Trùng Khánh		1.301,265		1.301,265	Đây là dự án được bổ trí nguồn phí cửa khẩu từ năm 2016 trở về trước. Đến năm 2017 không còn nguồn phí cửa khẩu để đầu tư, phải bổ trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
B	Vốn đầu tư ngoài cân đối NSDP				20.000,000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường vào mốc 854 (đoạn từ Bản Khoòng vào mốc 854) xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng				10.000,000	Đường đã xuống cấp nghiêm trọng cần bổ trí vốn để đầu tư.
2	Đường giao thông Chu Trinh (Thành phố Cao Bằng) - Hồng Nam (huyện Hoà An), tỉnh Cao Bằng (Km0+00 - Km2+750)				5.000,000	Đường đã xuống cấp nghiêm trọng cần bổ trí vốn để đầu tư.
3	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường trong khu vực cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng				5.000,000	Đường đã xuống cấp nghiêm trọng cần bổ trí vốn để đầu tư.
C	Vốn tăng thu ngân sách địa phương					
1	Nâng cấp, cải tạo đồn biên phòng Thị Hoa (87), Hạ Lang				-	Đồn đã xuống cấp, cần nâng cấp, cải tạo. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 354,978 triệu đồng

4

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HDND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
2	Nâng cấp, cải tạo đôn biên phòng Lý Vạn (97), Hạ Lang				-	Đôn đã xuống cấp, cần nâng cấp, cải tạo. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 348,941 triệu đồng
3	Kè chống sạt lở đôn biên phòng Cốc Pàng, Bảo Lạc				-	Khắc phục chống sạt lở. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 1.170,510 triệu đồng
4	Nâng cấp, cải tạo đôn biên phòng Ngọc Côn (109), Trùng Khánh				-	Đôn đã xuống cấp cần cải tạo. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 354,978 triệu đồng
5	Cải tạo, nâng cấp đường vào lối mở Trúc Long, huyện Hà Quảng				-	Đôn đã xuống cấp cần cải tạo. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 1.350 triệu đồng
6	Nhà làm việc của các lực lượng chức năng và các hạng mục phụ trợ tại lối mở Nà Doòng, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng				-	Nhà đã xuống cấp cần cải tạo. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 1.655,691 triệu đồng
7	Đường cửa khẩu Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (Đoạn A10-E5-N9; A11-E6-N10; E5-E6)				-	Phục vụ PT kinh tế cửa khẩu. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 2.500 triệu đồng
8	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu trung tâm hành chính tỉnh, phường Đẻ Thảm, thị xã Cao Bằng (nay là TPCB)				-	Đã hoàn thành trong giai đoạn trước. Danh mục dự án không có trong KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020, bổ sung để thanh toán khối lượng phát sinh. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 174,876 triệu đồng
9	Gia cố điểm Cúc đá hóa thạch công viên địa chất non nước Cao Bằng, xóm Lũng Luông, xã Kéo Yên, Hà Quảng				-	Phục vụ cho việc quảng bá Công viên địa chất non nước Cao Bằng. Đã giao từ nguồn vốn tăng thu của năm 2017: 610 triệu đồng
10	Đường vào khu vực mất Thần Núi (Nằm Chá) xã Quốc Toản, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng - Hạng mục: đường giao thông, bãi đỗ xe và nhà vệ sinh				-	Phục vụ cho việc quảng bá Công viên địa chất non nước Cao Bằng. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 1.655 triệu đồng
11	Dự án bổ sung, thay thế và lắp mới hệ thống các biển, bảng thuyết minh, Pano quảng bá, biển chỉ dẫn tại các điểm di sản trên 03 tuyến du lịch CVDĐC non nước Cao Bằng theo tiêu chí CVDĐC toàn cầu UNESCO				-	Phục vụ cho việc quảng bá Công viên địa chất non nước Cao Bằng. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 1.648 triệu đồng
12	Đường phía Nam khu đô thị mới, TPCB. Lý trình Km0+00-Km5+896,52					
	Gói thầu số 03: Các hạng mục còn lại lý trình Km 3+00 - Km5+896,5				-	Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 là 30.962,665 triệu đồng
13	Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới, TPCB				-	Thanh toán khối lượng hoàn thành. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 2.000 triệu đồng

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
14	Đền bù, giải phóng mặt bằng trường quân sự tỉnh				-	Thanh toán khối lượng hoàn thành. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 5.000 triệu đồng
15	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh Cao Bằng				-	Thanh toán khối lượng hoàn thành. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 4.600 triệu đồng
16	Các công trình hạ tầng kỹ thuật khu Trung tâm chính trị Đề Thám, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng					Thanh toán khối lượng hoàn thành. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 9.000 triệu đồng
17	Chương trình phát triển đô thị Phục Hòa, HM : San lấp mặt bằng, chỉnh trang đô thị khu vực cửa khẩu Tà Lùng, thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng				-	Phục vụ cho chương trình phát triển đô thị Phục Hòa. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 3.000 triệu đồng
18	Tu bổ, tôn tạo cơ sở vật chất phục vụ tuyên truyền, quảng bá Khu di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng				-	Phục vụ cho việc công bố di tích lịch sử quốc gia đặc biệt. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 1.000 triệu đồng
19	Tu tổ di tích Đồn Đồn Khê Khu di tích quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử địa điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng				-	Phục vụ cho việc công bố di tích lịch sử quốc gia đặc biệt. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 1.380 triệu đồng
20	Giải phóng mặt bằng tổng thể để xây dựng các công trình theo Hiệp định hợp tác, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) giai đoạn I				-	Công trình phục vụ cho việc đền bù, giải phóng mặt bằng tổng thể khu vực thác Bản Giốc. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 5.144 triệu đồng
21	Trạm kiểm soát, đường đầu nối biên giới và khuôn viên cảnh quan Khu du lịch thác Bản Giốc				-	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 2.428 triệu đồng
22	Bốt kiểm soát, bãi đỗ xe, hàng rào xanh cảnh quan biên giới, hàng rào ranh giới Khu du lịch Thác Bản Giốc				-	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho hàng rào xanh cảnh quan biên giới. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 2.428 triệu đồng
23	Dự án thu hồi đất xây dựng công trình Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân Hội Nông dân tỉnh Cao Bằng				-	Dự án sử dụng nguồn vốn Trung ương. Nguồn vốn của tỉnh hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017: 312,22232 triệu đồng
24	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Cao Bằng				-	Bố trí để xây dựng đường vào trung tâm. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 1.000 triệu đồng
25	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg của TT Chính phủ				-	Đã giao tăng thu NSDP của năm 2017 : 520 triệu đồng

Ng

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Lý do bổ sung
			Tăng	Giảm		
26	Đầu tư xây dựng hệ thống sắt lở nhà chỉ huy và sân đường nội bộ/Bộ CHBĐ Biên phòng tỉnh Cao Cao Bằng. Hàng mục: Sân, đường nội bộ cơ quan				-	Dự án mới phát sinh nhằm phục vụ các hoạt động tiến tới kỷ niệm 60 năm ngày thành lập lực lượng Biên phòng (03/3/1959-03/3/2019), 30 năm ngày Biên phòng toàn dân (03/3/1989-03/3/2019)
27	Trung tâm hội nghị tỉnh				-	Do điều chỉnh dự án, Vốn ngân sách trung ương không đủ nguồn thanh toán, bổ sung bằng vốn địa phương. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2016: 6.000 triệu đồng
28	Khu tái định cư trường dạy nghề và khu vực km4				-	Phục vụ tái định cư. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2016: 450 triệu đồng
29	Kênh ngầm tiêu thoát nước tại khu tái định cư khu đô thị mới Dè Thám				-	Phục vụ phát triển khu đô thị mới. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2016: 13.584 triệu đồng
30	Hà tầng kỹ thuật lô CN6 (khu xí nghiệp luyện gang) phường Dè Thám, TPCB				-	Phục vụ phát triển quỹ đất để đầu tư xây dựng dự án. Đã giao tăng thu NSDP của năm 2016: 1.500 triệu đồng
31	Đường từ di tích danh lam thắng cảnh quốc gia Đông Dơi (xã Đông Loạn, huyện Hạ Lang), tỉnh Cao Bằng) đến khu du lịch thác Bản Giốc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng)				-	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh
32	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)		320.000,000		320.000,000	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Giao UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh phân bổ chi tiết cho các tiểu dự án cụ thể
D	Vốn ngân sách trung ương	-	47.000,000	-	47.000,000	
	Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016-2020					
1	Dự án Xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường bãi rác khu vực Bảo Lâm, Nguyên Bình, Trùng Khánh.		47.000,000		47.000,000	Theo văn bản số 5550/BTNMT-KHTC ngày 10/10/2018, v/v phương án phân bổ nguồn năm 2018, 2019 và 2020 của CTMT xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMTNT thuộc đối tượng công ích.

BIỂU SỐ 5

CÁC DỰ ÁN CHƯA CÓ VỐN BỔ TRÍ

(Kèm theo Nghị quyết số

21

/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016- 2020	Lý do bổ sung
	TỔNG CỘNG		3.179.594,000	
1	Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh Cao Bằng		46.000,000	Theo đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông Cao Bằng tại văn bản số 178/CV-STTTT ngày 23/4/2018
2	Nâng cấp hệ thống lưu trữ và mua sắm bỏ sung trang thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Cao Bằng		2.800,000	Tờ trình số 12/Tr-PTTH ngày 15/6/2018 của Đài phát thanh-Truyền hình Cao Bằng
3	Chuyển đổi công nghệ truyền hình từ SD sang HD của Đài phát thanh truyền hình tỉnh		35.000,000	Thực hiện theo thông báo số 303-TB/VPTU ngày 13/8/2018 của Tỉnh ủy Cao Bằng
4	Bãi đỗ xe xã Đàm Thủy		16.000,000	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc
5	Xây dựng khu chợ thương mại biên giới (Chợ tạm)		20.300,000	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc
6	Cắm mốc quy hoạch khu vực xã Đàm Thủy		3.000,000	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc
7	Hàng rào quản lý mốc 53 cũ, mốc 835 và mốc 835/1		3.000,000	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc
8	Trải thảm mặt đường từ QL4A vào khuôn viên đường đầu nổi ra biên giới M834/1, Đường, Cầu đạo bộ từ trong khuôn viên Khu du lịch Thác Bản Giốc		15.522,000	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc
9	Cổng quốc môn cửa khẩu Lý Vạn, xã Lý Quốc, huyện Hạ Lang		9.200,000	Dự án mới phát sinh theo Kết luận của Bí thư Tỉnh ủy
10	Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy Cao Bằng (giai đoạn I)		5.272,000	Thực hiện theo thông báo số 304-TB/TU ngày 11/6/2018 của Tỉnh ủy Cao Bằng



TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016- 2020	Lý do bổ sung
11	Bốt kiểm soát, bãi đỗ xe, hàng rào xanh cảnh quan biên giới, hàng rào ranh giới Khu du lịch Thác Bản Giốc		20.000,000	Phục vụ cho việc phát triển du lịch tại khu vực thác Bản Giốc
12	Giải phóng mặt bằng dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tỉnh Cao Bằng		500.000,000	Phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh
13	Đường tránh Trung tâm thị trấn Thông Nông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng		80.000,000	Tờ trình số 184/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Thông Nông
14	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 204 (đoạn thị trấn Thông Nông - cửa khẩu Cản Yên), huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng		150.000,000	Tờ trình số 185/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Thông Nông
15	Kè bờ trái sông Bằng (Đoạn từ cầu Nà Cáp đến km5 Đê Thám), Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		400.000,000	Tờ trình số 268/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND Thành phố Cao Bằng
16	Cầu Ngọc Xuân, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng		150.000,000	Tờ trình số 269/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND Thành phố Cao Bằng
17	Đường giao thông Quốc lộ 34, xã Phan Thanh - Khu du lịch Phja Oắc, Phja Đén, xã Thành Công - xã Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng		150.000,000	Tờ trình số 1133/TTTr-UBND, ngày 26/10/2018 của UBND huyện Nguyên Bình
18	Kè bờ sông xã Thê Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng		60.000,000	Tờ trình số 1134/TTTr-UBND, ngày 26/10/2018 của UBND huyện Nguyên Bình
19	Đường giao thông liên xã Mỹ Hưng - Tiên Thành, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng		60.000,000	Tờ trình số 140/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Phục Hòa
20	Cầu và đường dẫn Tà Lùng - Nà Thám, xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng		120.000,000	Tờ trình số 141/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Phục Hòa
21	Đường giao thông liên xã Quang Trọng - xã Trọng Con - Thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng		220.000,000	Tờ trình số 166/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Thạch An
22	Đường giao thông liên xã Văn Trinh (Thạch An) - Hồng Nam (Hòa An), huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng		40.000,000	Tờ trình số 167/TTTr-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Thạch An <i>Ký</i>

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HDND	Nhu cầu vốn giai đoạn 2016- 2020	Lý do bổ sung
23	Đường giao thông liên xã Nà Khao (Kim Đồng) - Nà Luông (Thái Cường) - Pò Lài (Trùng Con), huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng		75.000,000	Tờ trình số 167/TT-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Thạch An
24	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Bó Sóp (xã Kéo Yên) - Pác Bó (xã Trường Hà), huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng		14.500,000	Tờ trình số 1408/TT-UBND, ngày 29/10/2018 của UBND huyện Hà Quảng
25	Đường tỉnh 210 đoạn xã thị - Trạm biên phòng Pác Ty, xã Việt Chu, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng		70.000,000	Tờ trình số 159/TT-UBND, ngày 24/10/2018 của UBND huyện Hà Quảng
26	Đường tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng		150.000,000	Tờ trình số 161/TT-UBND, ngày 26/10/2018 của UBND huyện Quảng Uyên
27	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 213 (Thị trấn Trùng Khánh - cửa khẩu Pò Peo, xã Ngọc Côn), huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng		200.000,000	Tờ trình số 193/TT-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Trùng Khánh
28	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205 (Quảng Uyên - Cách Linh - Tà Lùng) tỉnh Cao Bằng		400.000,000	Tờ trình số 720/TT-UBND, ngày 26/10/2018 của Ban quản lý Dự án ĐT XD các công trình giao thông
29	Cải tạo, nâng cấp đường UBND xã Khánh Xuân - Mè Van (Xum Hẩu), (lý trình Km 0 - Km 12+700) thuộc địa phận xã Khánh Xuân và xã Phan Thanh huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng		49.000,000	Tờ trình số 335/TT-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Bảo Lạc
30	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 202 đoạn Pác Lũng - Phan Thanh (lý trình km40-km50), thuộc địa phận xã Huy Giáp và xã Phan Thanh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng		50.000,000	Tờ trình số 336/TT-UBND, ngày 25/10/2018 của UBND huyện Bảo Lạc
31	Nâng cấp đường Bó Pu - Mốc 935 - Triệu Âu - Cô Ngân (huyện Hà Lang)		60.000,000	Tờ trình số 164/TT-UBND, ngày 03/12/2018 của UBND huyện Phục Hòa
32	Đền bù, GPMB, xây dựng các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật phía bên ngoài trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng		5.000,000	Tờ trình số 1740/TT-VKSCB, ngày 11/9/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng

Handwritten signature/initials

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ 10% VỐN DỰ PHÒNG
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020**
(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày **18** tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Cao Bằng) *ML*

Đơn vị: Triệu đồng

					Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH các năm				Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 (*)				Kế hoạch 2016 - 2020 (số vốn 90% đã giao tại các QĐ 572, 1178 của Bộ KHĐT)						Phương án phân bổ 10% vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn				Ghi chú
STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								
															Thư hỏi các khoản tăng trước	Thanh toán dự XD/CB	Thư hỏi các khoản tăng trước	Thanh toán dự XD/CB					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18						
	ĐẦU TƯ TRONG CẤP ĐỐI NSDP					967.983,0	967.983,0	35.000,0	35.000,0	482.200,0	205.400,0			392.155.000	392.155.000								
A	Đầu tư theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg					684.357,0	684.357,0			303.000,0	26.200,0			347.155.000	347.155.000								
A.1	Tình bố trí (78%)					607.983,0	607.983,0			303.000,0	26.200,0			270.781.000	270.781.000								
	<i>Trong đó:</i>																						
I	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					97.300,0	97.300,0			13.000,0	16.200,0			54.000.000	54.000.000								
	<i>Khoi công năm 2019</i>					26.000,0	26.000,0			13.000,0	13.000,0			10.400.000	10.400.000								
1	Trường Tiểu học Quảng Hưng, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Quảng Uyên	Xây mới nhà bộ đồng, nhà lớp học hợp khối, nhà VS HS, gara xe, các HM phụ trợ	2019-2021	Số 1647/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.000,0	8.000,0			5.000,0	5.000,0			3.000.000	3.000.000								
2	Trường THCS Thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	Trà Lĩnh	Xây mới nhà đa năng, nhà lớp học, nhà vệ HS, nhà BV, gara xe, sân đường, công hàng rào; Cải tạo sân chơi nhà trẻ viện, xây mới khối nhà 03 tầng phía sau; các HM phụ trợ; tháo dỡ các HM xuống cấp; Trang thiết bị: GPMB	2019-2021	Số 1634/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	18.000,0	18.000,0			8.000,0	8.000,0			7.400.000	7.400.000								
	<i>Khoi công năm 2020</i>					71.300,0	71.300,0			-	3.200,0			43.600.000	43.600.000								
1	Cải tạo, nâng cấp trường phổ thông DTNT Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	Huyện Bảo Lạc	Nhà đa năng, cải tạo sân chơi các hạng mục	2020-2021		7.000,0	7.000,0				200,0			5.000.000	5.000.000								
2	Trường tiểu học Quảng Lâm, xã Quảng Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Huyện Bảo Lâm	Nhà tiểu bộ, các phòng chức năng, nhà để xe GV, các công trình phụ trợ	2020-2021		5.000,0	5.000,0				200,0			3.000.000	3.000.000								
3	Trường THCS Thái Đức, xã Thái Đức, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hà Lang	Nhà tiểu bộ, nhà để xe	2020-2021		4.500,0	4.500,0				200,0			2.000.000	2.000.000								
4	Trường phổ thông dân tộc ban trú THCS Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Phòng nội trú cho HS, nhà ăn-bếp, các hạng mục phụ trợ khác	2020-2021		5.000,0	5.000,0				200,0			3.000.000	3.000.000								



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH các năm			Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015 (*)			Kế hoạch 2016 - 2020 (số vốn 90% đã giao tại các QĐ 572, 1178 của Bộ KHĐT)			Phương án phân bổ 10% vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn			Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP
5	Trường tiểu học Lang Môn, xã Lang Môn, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Huyện Nguyên Bình	2020-2021	Nhà hội đồng, các phòng học, phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ		5 000,0	5 000,0											
6	Trường THCS Phục Hòa, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	2020-2021	Cải tạo, sửa chữa 24 phòng học		2.500,0	2.500,0											
7	Trường THCS Bình Lăng, xã Bình Lăng, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Huyện Quảng Uyên	2020-2021	06 phòng chức năng, nhà hiệu bộ, nhà để xe, nhà vệ sinh		4 000,0	4 000,0											
8	Cải tạo nâng cấp Trường PTDTNT Thạch An, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Huyện Thạch An	2020-2021	Nhà lớp học, nhà vệ sinh		4 800,0	4 800,0											
9	Trường THCS Pò Tấu, xã Chi Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	2020-2021	Phòng học bộ môn, nhà vệ sinh, sân khấu và các hạng mục phụ trợ khác		4 000,0	4 000,0											
10	Trường mầm non Thương Thôn, xã Thương Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	2020-2021	Nhà hiệu bộ, phòng sinh hoạt chung, nhà bảo vệ, sân khấu, sân, hàng rào, cổng, nhà để xe		3 000,0	3 000,0											
11	Trường THCS Thị trấn Thông Nông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Huyện Thông Nông	2020-2021	Nhà đa năng, phòng học chức năng, nhà bếp		4 000,0	4 000,0											
12	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Công Trùng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An	2020-2021	Phòng nội trú cho học sinh, nhà ăn+bếp, các hạng mục phụ trợ khác		5 000,0	5 000,0											
13	Trường THCS Thăng Lội, xã Thăng Lội, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hạ Lang	2020-2021	Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn, nhà để xe		5 000,0	5 000,0											
14	Trường THCS Hạnh Phúc, xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng	Huyện Quảng Uyên	2020-2021	06 phòng chức năng, nhà hiệu bộ, nhà để xe, nhà vệ sinh		4 000,0	4 000,0											
15	Cải tạo nâng cấp trường THPT Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	2020-2021	Nhà đa năng		5 000,0	5 000,0											
16	Trường MN Ngọc Động, xã Ngọc Động, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Huyện Thông Nông	2020-2021	Khu nhà hiệu bộ, nhà để xe, hạ tầng kỹ thuật		3 500,0	3 500,0											
II	Giao thông					459.683,0	459.683,0											
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020					459.683,0	459.683,0											
1	Đường tỉnh 216 (02 cầu, Bình Long, Đồng Mây, đường 2 đầu cầu), tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An				50 000,0	50 000,0											
2	Đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng (lý trình km 0+00 - km3+00)	Thành phố Cao Bằng	2016-2020	3.000 km	1977/QĐ-UBND, 30/10/2015	409 683,0	409 683,0											Sau khi tiết kiệm 10% TMDT được duyệt số vốn cần bổ trợ là 368 714,7 trđ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được T.T.giao KH các năm						Lũy kế số vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015 (*)				Kế hoạch 2016 - 2020 (số vốn 90% đã giao tại các QĐ 572, 1178 của Bộ KHDĐT)						Phương án phân bổ 10% vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	T.MĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
						T.MĐT	Trong đó: NSDP						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
3	Dương bộ cao tốc Đồng Đăng(Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (Cao Bằng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				

Dự án cần thiết phải sinh mới chưa có trong Nghị quyết 37/2017/NQ-HĐND. Theo văn bản số 6900/BKHĐT-TH ngày 28/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đối với nhiệm vụ lập, thẩm định, công bố quy hoạch của các địa phương theo quy định của Luật Quy hoạch, sử dụng vốn cần đối ngân sách địa phương để hỗ trợ"

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao KH các năm				Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 (*)				Kế hoạch 2016 - 2020 (số vốn 90% đã giao tại các QĐ 572, 1178 của Bộ KHĐT)				Phương án phân bổ 10% vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn				Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP

HL

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TT & giao KH các năm						Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015 (*)						Kế hoạch 2016 - 2020 (số vốn 90% đã giao tại các QĐ 572, 1178 của Bộ KHĐT)						Phương án phân bổ 10% vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn						Ghi chú
					TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSDP													
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB							
XI	Thành phố Cao Bằng					4.856,9	4.856,9								4.856,889	4.856,889													
XI.1	Cán đối ngân sách thành phố		TPCB			4.856,9	4.856,9								4.856,889	4.856,889													
XII	Huyện Nguyễn Bình					11.630,8	11.630,8								11.630,778	11.630,778													
XII.1	Cán đối ngân sách huyện		Huyện Nguyễn Bình			4.980,8	4.980,8								4.980,778	4.980,778													
XII.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã An toàn khu		Huyện Nguyễn Bình			6.650,0	6.650,0								6.650,000	6.650,000													
XIII	Huyện Thông Nông					3.272,0	3.272,0								3.272,000	3.272,000													
XIII.1	Cán đối ngân sách huyện		Huyện Thông Nông			3.272,0	3.272,0								3.272,000	3.272,000													
B	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết										2.200,0	2.200,0					5.000,000	5.000,000											
	Hỗ trợ xi măng và vật liệu xây dựng làm đường GTINT các xã về đích NTM năm 2020																												
	Trong đó:																												
1	Xã Ngọc Cơn, huyện Trùng Khánh										250,0	250,0					500,000	500,000											
2	Xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang										250,0	250,0					500,000	500,000											
3	Xã Lương Can, huyện Thông Nông										250,0	250,0					500,000	500,000											
4	Xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc										250,0	250,0					500,000	500,000											
5	Xã Yên Thổ, huyện Bảo Lâm										240,0	240,0					600,000	600,000											
6	Xã Đắc Long, huyện Hoà An										240,0	240,0					600,000	600,000											
7	Xã Trại An, huyện Phục Hoà										240,0	240,0					600,000	600,000											
8	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Uyên										240,0	240,0					600,000	600,000											
9	Xã Độc Lập, huyện Quảng Uyên										240,0	240,0					600,000	600,000											
C	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (Theo mức vốn được Bộ KHĐT giao)					283.626,0	283.626,0		35.000,0	35.000,0	177.000,0	177.000,0					40.000,000	40.000,000											
C.1	Bổ trí cho Quỹ phát triển đất (30%).										108.000,0	108.000,0					12.000,000	12.000,000											
C.2	Bổ trí cho Dự án thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính (10%)										36.000,0	36.000,0					4.000,000	4.000,000											
C.3	Bổ trí thực hiện dự án đầu tư					283.626,0	283.626,0		35.000,0	35.000,0	33.000,0	33.000,0					24.000,000	24.000,000											
1	Cấp huyện, thành phố		12 huyện và TP														4.800,000	4.800,000											
2	Hỗ trợ chương trình MTQG XD Nông thôn mới																4.800,000	4.800,000											
2	Khu tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới	TPCB			2012-2015	1734/QĐ-UBND 16/11/2012	283.626,0	283.626,0	35.000,0	35.000,0	33.000,0	33.000,0					14.400,000	14.400,000											

BIỂU SỐ 7

CÁC NGUỒN VỐN BỔ TRÍ CHO DỰ ÁN ĐƯỜNG CAO TỐC DẰNG DẰNG (LẠNG SƠN) - TRÀ LĨNH (CAO BẰNG)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Đã giao theo NQ 37/2017/NQ- HĐND	Điều chỉnh		Sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG CỘNG		519.677,801		519.677,801	
A	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP		99.677,801		99.677,801	
I	Vốn đầu tư theo chỉ thị tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg		94.677,801		94.677,801	
I	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)		94.677,801		94.677,801	Tại Biểu số 2 là 15 tỷ đồng; Tại Biểu số 4 là 79,677 tỷ đồng
II	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất (Theo mức vốn được Bộ KHĐT giao)		5.000,000		5.000,000	
I	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)		5.000,000		5.000,000	Tại Biểu số 4
B	Vốn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác		320.000,000		320.000,000	
I	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)		320.000,000		320.000,000	Tại Biểu số 4
C	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP (Vốn dự phòng)		100.000,000		100.000,000	
I	Đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)		100.000,000		100.000,000	Tại Biểu số 6